TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN M** **TỈNH LONG AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 24-02-2023
V/v "Tranh chấp ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN M
TỈNH LONG AN

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Thúy Hồng.

Các hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Võ Ngọc Bột;

2/ Ông Lý Quốc Trưởng;

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thành – Thư ký Tòa án nhân dân huyện M.

Ngày 24 tháng 02 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Long An; Tòa án nhân dân huyện M xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 76/2022/TLST-HNGĐ, ngày 21 tháng 10 năm 2022, về việc "Tranh chấp ly hôn" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 02 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn T, sinh năm: 1984 (có đơn xin vắng mặt).

Địa chỉ: ấp 4, xã L, huyện M, tỉnh L.

2. Bị đơn: Bà Lê Thị L, sinh năm: 1988 (có đơn xin vắng mặt).

Địa chỉ: ấp B, xã B, huyện M, tỉnh L.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 15 tháng 9 năm 2022, ông Nguyễn Văn T trình bày như sau:

Ông T và bà L cưới nhau và có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện M, tỉnh L ngày 14/9/2015. Trong quá trình chung sống thời gian đầu hạnh phúc, nhưng về sau này thì phát sinh nhiều mâu thuẫn do vợ chồng không hợp tính thường hay bất đồng ý kiến dẫn đến cãi nhau. Năm 2011 bà L bỏ nhà đi đến năm 2015 thì quay trở về sống chung, hiện nay thì đã bỏ về nhà cha mẹ ruột. Cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc làm ảnh hưởng đến tâm lý của các con. Vợ chồng đã nhiều lần nói chuyện với nhau để hàn

gắn lại mối quan hệ vợ chồng, nhưng không đạt được kết quả, mâu thuẫn càng lúc càng nhiều.

Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên ông T yêu cầu ly hôn với bà Lê Thị L.

Về nuôi con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Nguyễn Thị Trà M, sinh ngày 13/12/2008 và Nguyễn Thạch Bảo K, sinh ngày 06/9/2015 hiện đang sống với ông T. Khi ly hôn ông T yêu cầu được tiếp tục nuôi 02 con, không yêu cầu bà L cấp dưỡng nuôi con chung.

Về chia tài sản: không có.

Về nghĩa vụ trả nợ: không có.

Bị đơn, bà Lê Thị L có đơn xin vắng mặt tuy nhiên có bản tự khai trình bày như sau: bà L thống nhất với ông Thức về thời gian cưới, đăng ký kết hôn cũng như nguyên nhân mâu thuẫn giữa vợ chồng. Nay ông T khởi kiện yêu cầu ly hôn với bà L thì bà L cũng đồng ý ly hôn. Về con chung bà L đồng giao 02 con chung cho ông T nuôi dưỡng, bà L không cấp dưỡng nuôi con. Tài sản chung, nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa:

Chủ tọa phiên tòa công bố tóm tắt nội dung vụ án và tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: ông Nguyễn Văn T yêu cầu ly hôn với bà Lê Thị L là tranh chấp về ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh L theo quy định tại Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: ông Nguyễn Văn T và bà Lê Thị L có đơn xin vắng mặt. Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông T và bà L theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về yêu cầu của đương sự:

[3.1] Quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Văn T và bà Lê Thị L xác lập hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã T, huyện M, tỉnh L cấp giấy chứng nhận kết hôn là hôn nhân hợp pháp.

[3.2] Ông T yêu cầu được ly hôn với bà L vì cho rằng cuộc sống phát sinh nhiều mâu thuẫn, vợ chồng không hạnh phúc. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện M đã tiến hành các thủ tục về cấp tống đạt, hợp lệ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự các thông báo về phiên hòa giải, xét xử nhưng bà L có đơn xin vắng mặt và có ý kiến trình bày là bà L cũng đồng ý ly hôn với ông T. Như vậy có đủ cơ sở Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông T với bà L là phù hợp với quy định tại Điều 51 và Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014.

[4] Về nuôi con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Nguyễn Thị Trà M, sinh ngày 13/12/2008 và Nguyễn Thạch Bảo K, sinh ngày 06/9/2015 hiện đang sống với ông T. Ông T yêu cầu để ông T trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung và bà L cũng đồng ý. Xét trong thời gian vợ chồng mâu thuẫn thì cháu M và cháu K sống với ông T, cuộc sống ổn định. Do đó Hội đồng xét xử quyết định giao 02 cháu K và M cho ông T tiếp tục nuôi dưỡng.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà L không phải cấp dưỡng nuôi 02 con chung do ông T không có yêu cầu.

[6] Về chia tài sản và nghĩa vụ trả nợ: không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử cũng không đặt ra xem xét.

[7] Về án phí: Ông Nguyễn Văn T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28; Điều 35; 39; 147; 228, 271; 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 51; 56, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn T đối với bà Lê Thị L.

1. Về hôn nhân: ông Nguyễn Văn T được ly hôn với bà Lê Thị L.

2. Về nuôi con chung: Ông Nguyễn Văn T được tiếp tục nuôi 02 con chung tên Nguyễn Thị Trà M, sinh ngày 13/12/2008 và Nguyễn Thạch Bảo K, sinh ngày 06/9/2015. Bà Lê Thị L không phải cấp dưỡng nuôi con.

Việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn; Nghĩa vụ, quyền của cha, mẹ không trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn; Nghĩa vụ, quyền của cha, mẹ trực tiếp nuôi con đối với người không trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn; Thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn; Hạn chế quyền của cha, mẹ đối với con chưa thành niên; cấp dưỡng nuôi con và thay đổi cấp dưỡng nuôi con được thực hiện theo quy định tại các Điều 81, 82, 83, 84, 85, 110,116 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

3. Về án phí: Ông Nguyễn Văn T phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn, nhưng được khấu trừ 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0010501, ngày 21/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mộc Hóa, tỉnh Long An.

4. Về quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Mộc Hóa;
- Chi cục THADS huyện Mộc Hóa;
- UBND xã T, huyện M;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thị Thúy Hồng